

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2023/DS-PT

Ngày 15 - 9 - 2023

V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thu Lan

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Thu Phương

Bà Hoàng Thị Mai Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trà Thảo Vân Linh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi: Bà Huỳnh Thị Tuyết Nhung – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 53/2023/TLPT-DS ngày 14 tháng 8 năm 2023, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 25/2023/DS-ST ngày 26 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 84/2023/QĐ-PT ngày 17 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Thanh T – sinh năm 1967; cư trú tại số E đường N, tổ dân phố L, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị Thiên H – sinh năm 1968; cư trú tại số D đường T, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Người kháng cáo:* Bà Lê Thị Thiên H là bị đơn.

(Bà Phạm Thị Thanh T có mặt; bà Lê Thị Thiên H vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/9/2022, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là bà Phạm Thị Thanh T trình bày:*

Bà và bà Lê Thị Thiên H là Giáo viên dạy cùng Trường Tiểu học S (nay là Trường Tiểu học S), huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Vào năm 2010, bà H có vay của bà số tiền 220.000.000 đồng. Khi vay, bà H có viết giấy nợ. Ngày 26/10/2011, bà H đã trả cho bà 180.000.000 đồng, nên bà trả lại giấy nợ 220.000.000 đồng cho bà H; bà H tự viết lại giấy nợ xác định còn nợ bà số tiền 40.000.000 đồng và hẹn trả dần. Từ đó đến nay, mặc dù nhiều lần bà yêu cầu nhưng bà H vẫn không trả tiền cho bà.

Bà khẳng định toàn bộ chữ viết, chữ ký trong tài liệu có nội dung: Ngày 26/10/2011 – H trả T 180.000.000đ (Một trăm tám mươi triệu đồng). Còn 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) H trả dần. Phía dưới có chữ ký và chữ Thiên H mà bà cung cấp cho Tòa án là tự bà H viết, ký tên.

Nay, bà yêu cầu bà H phải trả cho bà số tiền 40.000.000 đồng, bà không yêu cầu trả tiền lãi.

** Tòa án cấp sơ thẩm đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn là bà Lê Thị Thiên H nhưng bị đơn không đến Tòa án làm việc và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

** Bản án số 25/2023/DS-ST ngày 26 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Q đã xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Thanh T. Buộc bà Lê Thị Thiên H phải trả cho bà Phạm Thị Thanh T số tiền 40.000.000 đồng. Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.*

** Ngày 12 và ngày 15/6/2023, bà Lê Thị Thiên H có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để xét xử công bằng, tránh bị oan sai.*

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đương sự kể từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.*

Về hình thức: Đơn kháng cáo của bà Lê Thị Thiên H làm trong hạn luật định là hợp lệ theo quy định tại Điều 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, được chấp nhận xem xét, giải quyết.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị Thiên H, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 25/2023/DS-ST ngày 26 tháng 5 năm 2023 của Tòa

án nhân dân thành phố Q; về án phí và chi phí tố tụng khác giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra xem xét, sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ngày 26/5/2023, Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi xét xử vụ án nêu trên. Bị đơn là bà Lê Thị Thiên H vắng mặt không có lý do. Ngày 08/6/2023, bà H nhận được bản án sơ thẩm. Ngày 12 và ngày 15/6/2023, bà H có đơn kháng cáo là còn trong thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, được chấp nhận.

[2] Bị đơn là bà Lê Thị Thiên H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[3] Xét kháng cáo của bà Lê Thị Thiên H, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Bà Phạm Thị Thanh T khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị Thiên H phải trả cho bà T số tiền 40.000.000 đồng, bà T không yêu cầu bà H trả tiền lãi; kèm theo đơn khởi kiện, bà Thủy cung cấp cho Tòa án tài liệu có nội dung: *Ngày 26/10/2011 – H trả T 180.000.000đ (Một trăm tám mươi triệu đồng). Còn 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) H trả dần; phía dưới có chữ ký và chữ Thiên H.* Bà T xác định chữ viết, chữ ký trong tài liệu nêu trên là của bà H để chứng minh cho yêu cầu của bà là có căn cứ.

[3.2] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho bà H. Theo biên bản giao nhận văn bản tố tụng của Tòa án thể hiện có lúc bà H nhận (bút lục 24, 35), có lúc con gái của bà H là chị Đỗ Như Q nhận (bút lục 38), có lúc con trai của bà H là anh Đỗ Anh T1 nhận (bút lục 56). Tại Biên bản làm việc ngày 22/8/2023, bà H và chị Q thừa nhận chữ ký trong các biên bản giao nhận nêu trên là của bà H, chị Q và anh T1, nhưng bà H không đến Tòa án làm việc, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không tham gia phiên tòa để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H.

[3.3] Ngày 24/3/2023, Tòa án cấp sơ thẩm có Thông báo số 30/TB-TA yêu cầu bà H trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được Thông báo (bà H nhận ngày 27/3/2023, do con gái của bà H là chị Q nhận, bút lục 38), bà H phải có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng hết thời hạn

được Thông báo, bà H cũng không có văn bản trình bày ý kiến; không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án cấp sơ thẩm để phản đối yêu cầu khởi kiện; phản đối tài liệu mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa án để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng khoản 2, 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, buộc bà H phải trả cho bà T 40.000.000 đồng là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

[3.4] Sau khi thụ lý vụ án để xét xử phúc thẩm, Tòa án đã tiến hành làm việc với bà H. Tại Biên bản làm việc ngày 22/8/2023 và Biên bản đối chất ngày 29/8/2023, bà H trình bày bà là Giáo viên dạy tại Trường tiểu học S từ năm 1993 đến khi nghỉ hưu vào năm 2020; bà H xác định bà không vay mượn tiền của bà T, nên tài liệu mà bà T sử dụng để khởi kiện yêu cầu bà trả tiền, có nội dung: *Ngày 26/10/2011 – H trả T 180.000.000đ (Một trăm tám mươi triệu đồng). Còn 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) H trả dần*; phía dưới có chữ ký và chữ *Thiên H* không phải là chữ ký, chữ viết của bà.

[3.5] Cùng ngày 29/8/2023, bà T có đơn trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết. Ngày 06/9/2023, Tòa án có Quyết định trưng cầu giám định số 07/2023/QĐ-TCGD. Tại Kết luận giám định số 864/KL-KTHS ngày 11/9/2023 của Phòng K Công an tỉnh Q đã kết luận chữ viết có nội dung: *Ngày 26/10/2011 – H trả T 180.000.000đ (Một trăm tám mươi triệu đồng). Còn 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) H trả dần. Thiên Hương* trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) với chữ viết của bà Lê Thị Thiên H trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu từ M1 đến M5) ***là do cùng một người viết ra***. Riêng chữ ký trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) với chữ ký của bà Lê Thị Thiên H trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu từ M1 đến M5) là khác dạng, nên không kết luận truy nguyên đồng nhất được.

[3.6] Mặc dù, Phòng K Công an tỉnh Q không kết luận truy nguyên đồng nhất chữ ký trong tài liệu cần giám định (ký hiệu A), nhưng nội dung chữ viết và chữ *Thiên H* trong tài liệu cần giám định (ký hiệu A) đã xác định là chữ viết của bà Lê Thị Thiên H - bị đơn trong vụ án nên có căn cứ xác định bà H còn nợ bà T số tiền 40.000.000 đồng. Do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3.7] Ngày 14/9/2023, Tòa án nhận được đơn đề nghị xét xử vắng mặt của bà H về việc xin vắng mặt tại phiên tòa ngày 15/9/2023; bà H khẳng định không vay tiền của bà T vì bà là Giáo viên không có nhu cầu, mục đích vay tiền; quan hệ giữa bà với bà T không đủ tốt để bà T cho bà vay 220.000.000 đồng mà không lấy tiền lãi; tài liệu mà bà T sử dụng để khởi kiện bà không đầy đủ thông tin họ tên, địa chỉ, số chứng minh nhân dân,... . Xét lời trình bày của bà H, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.7.1] Khoản 1 Điều 105 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: ***Tài sản là vật, tiền, giấy tờ có giá và quyền tài sản.***

[3.7.2] Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: ***Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định.***

[3.7.3] Tại phiên tòa, bà T cho rằng khi bà cho bà H vay tiền, hai bên có thỏa thuận bằng lời nói mức lãi suất là 3%/tháng, nhưng từ khi bà H vay của bà 220.000.000 đồng, đã trả 180.000.000 đồng tiền nợ gốc, hiện còn nợ lại 40.000.000 đồng thì bà H chưa trả tiền lãi cho bà. Trước đây, bà và bà H là bạn bè thân thiết, là Giáo viên dạy cùng Trường, hiện hoàn cảnh của bà H cũng khó khăn nên bà không yêu cầu bà H trả tiền lãi cho bà. Xét lời trình bày của bà T thì thấy rằng: Bà T cho bà H vay tiền là giao dịch dân sự trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện; nội dung, mục đích của giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội; bà T không yêu cầu bà H trả tiền lãi là sự tự nguyện của bà T; bà H đưa ra một số ý kiến để cho rằng bà không mượn tiền của bà T nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho ý kiến của mình là có căn cứ và không được bà T thừa nhận, nên không có cơ sở chấp nhận ý kiến của bà H tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 13/9/2023.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không được chấp nhận kháng cáo nên bà H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số 0006196 ngày 22/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi. Bà H đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Về chi phí tố tụng khác: Chi phí giám định là 3.000.000 đồng. Bà H không thừa nhận chữ viết, chữ ký trong tài liệu cần giám định là của bà, nhưng theo Kết luận giám định đã kết luận chữ viết trong tài liệu cần giám định với chữ viết trong tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người viết ra, tức là của bà H. Căn cứ khoản 2 Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, bà H phải chịu chi phí giám định. Bà T đã nộp và chi phí xong, nên bà H có trách nhiệm hoàn trả cho bà T số tiền 3.000.000 đồng.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phù hợp với nhận định trên.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 148, khoản 2 Điều 161, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị Thiên H, giữ nguyên bản án số 25/2023/DS-ST ngày 26 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Phạm Thị Thanh T: Buộc bị đơn là bà Lê Thị Thiên H phải trả cho bà Phạm Thị Thanh T số tiền 40.000.000 đồng (*bốn mươi triệu*).

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị Thiên H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.000.000 đồng (*hai triệu*).

Hoàn trả lại cho bà Phạm Thị Thanh T 1.000.000 đồng (*một triệu*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai số 0003641 ngày 13/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Thị Thiên H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (*ba trăm ngàn*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm ngàn*) theo Biên lai số 0006196 ngày 22/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi. Bà Lê Thị Thiên H đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

3. Về chi phí tố tụng khác: Chi phí giám định chữ ký, chữ viết là 3.000.000 đồng (*ba triệu*), bà Lê Thị Thiên H phải chịu. Bà Phạm Thị Thanh T đã nộp và chi phí xong, nên bà Lê Thị Thiên H phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho bà Phạm Thị Thanh T 3.000.000 đồng (*ba triệu*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án dân sự cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án dân sự còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- TAND thành phố Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS thành phố Quảng Ngãi;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trịnh Thị Thu Lan